

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

BẢN VỀ BẢN ĐỒ TƯ DUY TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Y

LÊ THỊ HỒNG DUYÊN
(ThS, Đại học Y Hải Phòng)

1. Đặt vấn đề

“Bản đồ tư duy” (mind-map) không còn là một công cụ hoàn toàn mới mà thực tế là nó đã bắt đầu được sử dụng trong các bậc giáo dục tại Việt Nam. Tuy nhiên việc khai thác và sử dụng công cụ này trong việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Y vẫn còn bị bỏ ngỏ.

Trong bài này chúng tôi xin được đề xuất một số khả năng có thể ứng dụng bản đồ tư duy trong giảng dạy và học tập tiếng Anh chuyên ngành Y: từ vựng chuyên ngành Y, cấu trúc ngữ pháp thông dụng, kỹ năng giao tiếp, ôn tập và hệ thống kiến thức, công cụ đánh giá.

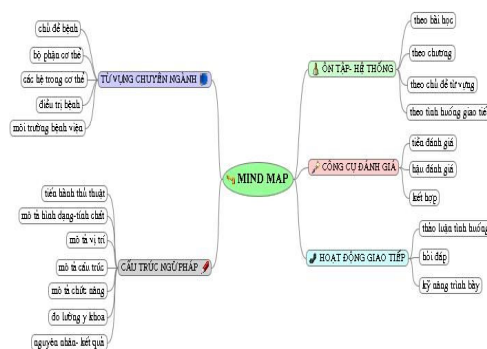
2. Tìm hiểu về khái niệm bản đồ tư duy

Bản đồ tư duy là một dạng biểu đồ/ sơ đồ thể hiện lại một cách hệ thống các thông tin, khái niệm, ý tưởng liên quan đến nhau về một chủ đề - “khái niệm trung tâm”(central concept). Cách thể hiện này không theo trật tự tuyến tính thông thường mà có dạng tư duy lan toả (radiant thinking) (Buzan, 1996) dựa trên cấu trúc của não bộ.

Bản đồ tư duy được xem như một công cụ đồ họa hữu hiệu để tổ chức tư duy. Nó thể hiện sự sắp xếp các thông tin, khái niệm qua dạng nhánh lan toả từ một khái niệm trung tâm trong mối tương quan chặt chẽ với nhau chỉ trên một trang giấy. Nó như một cái cây, trong đó thân cây chính là khái niệm trung tâm, từ thân cây lan toả ra các nhánh cây (tiểu khái niệm) và từ các nhánh lại phân ra

thành các nhánh nhỏ (khái niệm nhỏ hơn),... Tất cả tạo nên một bức tranh tổng thể về ý tưởng, chủ đề trung tâm một cách cô đọng, hiệu quả. Và một điều thú vị là nó kích thích trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của con người. Khi xây dựng bản đồ tư duy, người học không ngừng tư duy, kết nối, tổng hợp và đưa ra câu hỏi, và trên hết là không ngừng học tập.

Dưới đây là ví dụ về một bản đồ tư duy về việc khai thác và sử dụng bản đồ tư duy trong dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Y mà người viết sẽ trình bày trong bài báo này:



Sơ đồ 1: Khả năng sử dụng bản đồ tư duy trong dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Y (*)

Nhìn vào sơ đồ trên có thể thấy một bức tranh tổng thể về khả năng ứng dụng công cụ bản đồ tư duy trong dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Y. Thủ thuật này có thể “chạm” tới các khía cạnh cần thiết như: từ vựng chuyên ngành, các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và ngay cả nâng cao kỹ năng giao tiếp

trong y khoa. Hơn nữa, công cụ này còn giúp cho sinh viên ôn tập, hệ thống hoá kiến thức và là một phương tiện để đánh giá trình độ kiến thức của sinh viên.

3. Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy và học từ vựng chuyên ngành Y

Không ai có thể phủ nhận rằng việc dạy và học từ vựng là một trong những mục tiêu chính của dạy và học tiếng Anh chuyên ngành. Đây cũng chính là khó khăn lớn nhất đối với các sinh viên theo học tiếng Anh chuyên ngành. Một thực tế cho thấy, đa phần từ vựng chuyên ngành được dạy dưới dạng liệt kê (gạch đầu dòng) theo nội dung của bài khoá và tất nhiên sinh viên sẽ phải học thuộc lòng những danh sách từ vựng dài đó. Điều này dẫn đến một hệ quả tất yếu là sinh viên dễ cảm thấy nhàm chán và nản lòng mỗi khi học từ vựng hoặc ngay cả những sinh viên đã học thuộc từ vựng chuyên ngành lại rất dễ quên sau một thời gian không sử dụng.

Theo Nattinger (1988), các từ có trong kho từ vựng tồn tại trong não bộ của chúng ta được liên kết chặt chẽ với nhau không chỉ bằng dạng ngữ nghĩa, âm thanh mà còn bởi hình ảnh. Công cụ bản đồ tư duy chính là một dạng hình ảnh hoá – một công cụ hỗ trợ hữu hiệu cho việc ghi nhớ từ vựng.

Từ sơ đồ (1) cho thấy người dạy và người học có thể xây dựng hệ thống từ vựng chuyên ngành Y theo các đầu mục như: các loại bệnh, bộ phận cơ thể, các hệ trong cơ thể, môi trường bệnh viện, điều trị bệnh,... Từ đó, chúng ta có thể xây dựng thành các bản đồ tư duy nhỏ hơn với các khái niệm trung tâm chính là các tiểu mục trong bản đồ tư duy tổng quát. Với cách làm này, người học có thể học từ vựng một cách hệ thống, khoa học. Và điều quan trọng hơn nữa là sinh viên có thể chủ động trong việc làm giàu vốn từ vựng của mình. Chẳng hạn như mỗi khi bắt gặp tên một loại bệnh, hoặc một từ vựng chuyên ngành nào đó, các em

sẽ biết phải bổ sung vào đâu. Đó cũng là một cơ hội tốt để các em có thể nhìn lại các từ vựng liên quan. Quá trình này lặp đi lặp lại và không ngừng phát triển sẽ giúp việc học từ vựng trở nên chủ động hơn. Điều này rất đúng với nhận định của Jordan (1997:162) rằng cách hiệu quả nhất để sinh viên có thể tăng kho từ vựng năng động của mình chính là việc các em trực tiếp tham gia vào quá trình học - ở đây chính là việc không ngừng xây dựng và phát triển vốn từ về các chủ đề y khoa bằng công cụ bản đồ tư duy.

4. Sử dụng bản đồ tư duy trong việc giảng dạy các cấu trúc ngữ pháp thông dụng

Trong các văn bản cũng như tình huống giao tiếp y khoa, ngữ pháp không phải là một trở ngại lớn với người học như việc học từ vựng. Tuy nhiên, sự phong phú của các cấu trúc câu dù đơn giản nhưng cũng sẽ không hề dễ nhớ nếu không được hệ thống. Tương tự với cách làm trong việc hệ thống hoá từ vựng chuyên ngành, cấu trúc ngữ pháp cũng có thể được xây dựng dựa trên các chức năng mà nó thể hiện. Trong tiếng Anh chuyên ngành Y, ta có thể phân chia các cấu trúc mô tả hình dạng, tính chất, vị trí, cấu trúc, chức năng, diễn đạt sự đo lường, nguyên nhân/kết quả...

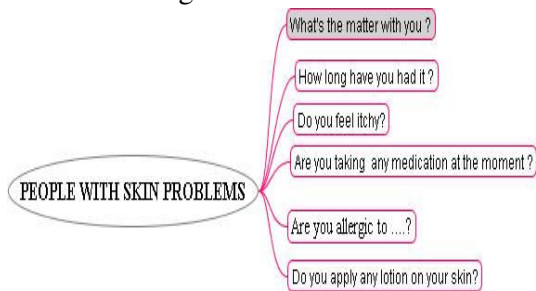


Sơ đồ 2: Cấu trúc ngữ pháp mô tả vị trí (*)

Sơ đồ trên là ví dụ về việc dạy và học cấu trúc ngữ pháp thông qua công cụ bản đồ tư duy.

5. Sử dụng bản đồ tư duy trong việc nâng cao kĩ năng giao tiếp trong các tình huống y khoa

Hiện nay, trong hầu hết các giáo trình giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành Y ở nhiều trường đại học Y trên cả nước, mảng kĩ năng giao tiếp trong đó có giao tiếp hội thoại và trình bày báo cáo khoa học chuyên ngành vẫn còn bị bỏ ngỏ do thời hạn dành cho tiếng Anh chuyên ngành có hạn. Do đó khi ra trường, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong công việc của sinh viên khá yếu. Điều này cũng có thể một phần là do kĩ năng giao tiếp nói chung của các em chưa được tốt, chứ chưa nói đến giao tiếp trong các tình huống chuyên ngành. Tuy nhiên, trong khuôn khổ giới hạn của giờ học tiếng Anh chuyên ngành, chúng tôi thiết nghĩ giáo viên vẫn có thể tạo cơ hội cho sinh viên nâng cao kĩ năng giao tiếp tiếng Anh chuyên ngành. Chẳng hạn như khi dạy về bệnh ngoài da, ta có thể ghi khái niệm trung tâm lên bảng, sau đó hỏi sinh viên cách giải quyết các tình huống liên quan bằng cách đặt câu hỏi gợi ý như *"What should you ask patients if they want to examine their skin?"*, sau đó đưa ra phương án trả lời của sinh viên và gợi ý của giáo viên lên bảng.



Sơ đồ 3: Thảo luận tình huống hỏi bệnh nhân bị bệnh ngoài da (*)

Với hình thức thảo luận tình huống và hỏi đáp như vậy sẽ tạo hứng thú cho sinh viên và cùng với thời gian sẽ dần hình thành thói

quen giao tiếp trong các tình huống y khoa hoặc sinh viên cũng có thể tự xây dựng các tình huống...

6. Sử dụng bản đồ tư duy trong ôn tập và hệ thống hoá kiến thức

Như đã đề cập ở những phần trên, rõ ràng bản đồ tư duy là một công cụ hữu hiệu giúp hệ thống hoá kiến thức. Điều này giúp ích rất nhiều cho việc ôn tập của sinh viên. Hơn thế nữa, hình thành thói quen xây dựng và phát triển bản đồ tư duy chính là cách thức giúp người học có cơ hội ôn lại kiến thức đã học. Nó tựa như một quá trình tịnh tiến, giúp giảm tải gánh nặng cho sinh viên trước mỗi kì thi. Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên tự tổng hợp kiến thức sau mỗi bài học, mỗi chương, hoặc theo chủ đề từ vựng, chủ đề ngữ pháp. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể sử dụng bản đồ tư duy để chuẩn bị bài trước khi được học về một chủ đề nào đó. Tony Buzan gọi phương pháp này là *"preview and review"*, nghĩa là xem trước và ôn tập lại.

7. Sử dụng bản đồ tư duy như một công cụ đánh giá

Trước hết cần phải hiểu sự đánh giá ở đây là đánh giá sự hiểu của sinh viên về một chủ đề nhất định hơn là việc đánh giá trình độ ngôn ngữ. Giáo viên yêu cầu sinh viên lập bản đồ tư duy về một chủ đề nhất định và qua đó có thể đánh giá bằng trực giác sự hiểu biết của sinh viên về chủ đề đó. Theo Tony Buzan (1996) thì bước đánh giá này được gọi là tiền đánh giá. Nó có thể được thực hiện trước khi giáo viên tiến hành dạy một chủ đề nào đó. Với cách làm này, giáo viên có thể kịp thời sửa các cách hiểu sai của sinh viên về một chủ đề và thấy được những chỗ nào cần phải bổ sung. Và sau bài giảng giáo viên có thể yêu cầu sinh viên hoàn thiện bản đồ tư duy của mình để đánh giá xem các em đã tiếp nhận được kiến thức đến đâu. Đây chính là hình thức hậu đánh giá.

Ngoài hai hình thức đánh giá nêu trên, giáo viên cũng có thể vận dụng bản đồ tư duy để tạo nên các dạng bài bổ sung thêm vào cách đánh giá truyền thống như:

+ cho một chủ đề → yêu cầu sinh viên tạo một bản đồ tư duy về chủ đề đó;

+ cho một bản đồ tư duy → yêu cầu sinh viên viết hoặc trình bày về chủ đề;

+ cho một bản đồ tư duy → yêu cầu sinh viên trả lời câu hỏi về chủ đề;

+ cho một bản đồ tư duy khuyết một số khái niệm → yêu cầu sinh viên hoàn thiện bản đồ tư duy đó;

+ cho một bản đồ tư duy ở dạng đơn giản → yêu cầu sinh viên phát triển bản đồ tư duy ở dạng phân nhánh nhỏ các khái niệm liên quan.

Việc đánh giá có thể được tiến hành theo cá nhân hoặc theo nhóm tùy theo mỗi nhiệm vụ và mỗi chủ đề.

Nhìn chung, những đề xuất về việc sử dụng bản đồ tư duy làm công cụ đánh giá chỉ mang tính gợi ý và có thể áp dụng trong một chừng mực giới hạn nhất định, bởi vì để trở thành một công cụ đánh giá chuẩn, nó còn bị ràng buộc ở nhiều yếu tố khác nữa như tiêu chuẩn đánh giá, hệ thống tính điểm, tính tin cậy của công cụ đánh giá,...

8. Kết luận

Nói tóm lại, ở bài viết này, người viết mong muốn đưa ra những thảo luận, bàn bạc cũng như những đề xuất về việc khai thác và sử dụng hiệu quả bản đồ tư duy trong dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Y. Cũng cần phải nói thêm rằng không phải lúc nào hoặc kiểu kiến thức nào cũng có thể sử dụng bản đồ tư duy. Điều quan trọng là người dạy phải biết khi nào cần sử dụng nó để đem lại hiệu

quả giảng dạy. Đây là một công cụ sáng tạo nên cũng đòi hỏi ở người sử dụng nó có một tư duy sáng tạo.

Hiện nay công cụ tư duy này cũng đã được biết đến rộng rãi ở Việt Nam nhưng để thực hiện và khai thác hiệu quả vẫn còn là một dấu hỏi. Thực chất rất nhiều điều chúng ta đang làm đều là do hình thành từ thói quen. Nếu như người dạy và người học nhận thức được tính năng vượt trội của bản đồ tư duy và cùng tập hình thành thói quen sử dụng nó thì chúng tôi tin chắc hiệu quả của nó sẽ còn có thể nhiều hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

1. Buzan, T. (1996), *The mind map book: How to use radiant thinking to maximize your brain's untapped potential*. New York, Penguin Group.

2. Jordan, R. (1997), *English for academic purposes*. Cambridge: CUP.

3. Nattinger, J.R. (1988), *Some current trends in vocabulary teaching*. In: R. Carter and M. McCarthy, eds. *Vocabulary and language teaching*. Harlow: Longman.

4. Nong, B.K., et al, *Integrate the digital mindmapping into teaching and learning psychology*. Trích từ nguồn: <http://www.vvob.be/vietnam/?q=vi/node/735>

5. <http://www.thinkbuzan.com/us/articles/view/mind-maps-for-pre-and-post-assesment>

6. http://en.wikipedia.org/wiki/Mind_map

7. <http://www.mindmeister.com/content/historyofmm>

(*) *Các bản đồ tư duy trên máy tính được tác giả thiết kế bằng phần mềm miễn phí Freemind.*

(Ban Biên tập nhận bài ngày 25-04-2011)